

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15 /2019/HNGĐ – ST

Ngày: 22-01-2019

V/v tranh chấp “Ly hôn, tranh
chấp về nuôi con, chia tài sản
chung khi ly hôn; tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI NHƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Tố
2. Bà Trần Thị Thu Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 74/2018/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn; tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST –HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm C – sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: thôn A 2, xã H, huyện H N, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Phước – sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: thôn A 2, xã H, huyện H N, tỉnh Bình Định.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Xăng – sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: thôn A 2, xã H, huyện H N, tỉnh Bình Định.

- Bà Nguyễn Thị Chín (yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: thôn T1, xã H H, huyện H N, tỉnh Bình Định.

- Ông Nguyễn Đình Thùy – sinh năm 1976.

Địa chỉ: thôn T, xã A, huyện H A, tỉnh Bình Định

- Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Người đại diện hợp pháp: Bà Đặng Thị H – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H N, tỉnh Bình Định là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016); bà Hương có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

4. Người làm chứng: Ông Phan Văn H – sinh năm 1957.

Địa chỉ: thôn A 2, xã H, huyện H N, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn xin ly hôn và trình bày của nguyên đơn, anh Phạm C là: Anh C và chị P kết hôn năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã H T. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây, chị P không chăm lo cho gia đình mà thường đi qua đêm dẫn đến việc vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã. Nay anh C không tiếp tục chung sống với chị P được nữa, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị P.

Về con chung: Có ba con chung tên Phạm Thị Yến V – sinh ngày 29/8/2004, Phạm Thị Yến L – sinh ngày 14/11/2017 và Phạm Thị Yến P – sinh ngày 11/3/2013. Khi ly hôn, con ở với ai thì theo ý của con. Con ở với chị P thì anh C không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Thửa đất số 55, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại thôn A 2, xã HT là tài sản riêng của anh C có trước khi anh C kết hôn với chị P; anh C không đồng ý phân chia thửa đất này. Trên thửa đất trước đây có nhà, nhưng sau khi kết hôn vợ chồng xây dựng lại và sử dụng đến hôm nay. Ngoài ra chị P hiện đang giữ hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh C, đó là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN: CH 00892 UBND huyện H N ký ngày 23 tháng 8 năm 2012 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp là 02077QSDĐ/A 20 UBND huyện H N ký ngày 22 tháng 10 năm 1996. Anh C yêu cầu chị P trả lại hai giấy này cho anh. Các tài sản khác anh C và chị P tự phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Hi N 30.000.000 đồng và nợ ông Nguyễn X 10.000.000 đồng. Khi ly hôn, anh C yêu cầu vợ chồng cùng trách nhiệm trả nợ.

+ Theo trình bày của bị đơn, chị Nguyễn Thị P là:

Về quan hệ hôn nhân như anh C trình bày là đúng. Về yêu cầu ly hôn của anh C, chị đồng ý ly hôn anh C.

Về con chung: Có ba con chung như anh C trình bày. Khi ly hôn, chị P yêu cầu nuôi ba con chung, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Có nhà và thửa đất số 55, tờ bản đồ số 17 thôn A 2, xã H T. Thửa đất này tuy có từ trước nhưng sau khi kết hôn, anh C và chị P mới tiến hành làm sổ đỏ, số tiền làm sổ đỏ là 12.029.100 đồng. Chị P yêu cầu phân chia tài sản này, còn các tài sản khác vợ chồng tự phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện H N 30.000.000 đồng, nợ bà Nguyễn Thị C 10.000.000 đồng, nợ ông Nguyễn X 10.000.000 đồng và nợ ông Nguyễn Đình T 150.000.00 đồng. Chị P yêu cầu vợ chồng cùng trả các khoản nợ này.

+ Theo trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn X là: Anh C và chị P có nợ ông 10.000.000 đồng để làm nhà. Nay anh C và chị P ly hôn, ông yêu cầu phải trả nợ cho ông.

+ Theo trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị C: Bà có cho vợ chồng anh C, chị P mượn số tiền vào ngày 15/4/2016 mượn 5.000.000 đồng và 16/9/2016 mượn 5.000.000 đồng. Tổng cộng là 10.000.000 đồng. Nay bà C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh C, chị P trả nợ cho bà.

+ Theo trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Hi N là:

Ngày 19/02/2016, chị P và anh C có vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H N số tiền: 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), ngày trả nợ cuối cùng: 19/02/2019.

Đến ngày 25/10/2018, chị P và anh C đã trả 3.000.000 đồng, số tiền còn nợ là 27.000.000 đồng và tiền lãi chưa trả.

Nay chị P và anh C ly hôn, thời hạn trả nợ chưa đến, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H N kính đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn giải quyết giao nghĩa vụ trả nợ cho người được nhận tài sản chung sau khi ly hôn.

+ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định của pháp luật.

Về nội dung đề nghị chấp nhận:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm C và chị Nguyễn Thị P được ly hôn, do thuận tình.

2/ Về con chung: Giao ba con chung tên Phạm Thị Yến V – sinh ngày 29/8/2004, Phạm Thị Yến L – sinh ngày 14/11/2007 và Phạm Thị Yến P – sinh ngày 11/3/2013 cho chị P nuôi dưỡng.

Buộc anh C cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

3/ Về tài sản và các khoản nợ:

- Giao cho anh Phạm C trọn quyền sử dụng thửa đất số 55, tờ bản đồ số 17 tọa lạc thôn A 2, xã H T, huyện H N, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN: CH 00892 UBND huyện H N ký ngày 23 tháng 8 năm 2012 và trọn quyền sở hữu ngôi nhà N6 trên thửa đất này.

- Anh C có trách nhiệm thanh toán cho chị P 46.456.300 đồng.

- Buộc anh C trả cho ông Nguyễn X 10.000.000 đồng.

- Buộc anh C trả cho Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện H N tiền vốn vay 27.000.000 đồng và tiền lãi phải trả tính từ ngày vay ngày 19/02/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 22/01/2019 là 1.090.000 đồng, khi có yêu cầu.

- Buộc chị P trả cho bà Nguyễn Thị C 10.000.000 đồng.

- Buộc chị P trả lại cho anh C Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN: CH 00892 UBND huyện Hoài Nhơn ký ngày 23 tháng 8 năm 2012 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp là 02077QSDĐ/A 20 UBND huyện Hoài Nhơn ký ngày 22 tháng 10 năm 1996.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm C và chị Nguyễn Thị P kết hôn năm 2003, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H T là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó, anh C cho rằng chị P không chăm lo cho gia đình mà thường đi qua đêm dẫn đến vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Anh C và chị P không sống chung với nhau nữa. Nay anh C yêu cầu ly hôn, chị P đồng ý ly hôn anh C. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị P đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận sự thuận tình ly hôn của anh C và chị P là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Anh C và chị P có ba con chung là Phạm Thị Yến V – sinh ngày 29/8/2004, Phạm Thị Yến L – sinh ngày 14/11/2007 và Phạm Thị Yến P – sinh ngày 11/3/2013. Sau khi ly hôn, chị P yêu cầu được nuôi ba con. Hiện tại, ba cháu đang sống chung với chị P và các cháu cùng có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Để tạo điều kiện cuộc sống ổn định cho sự phát triển bình thường của các cháu, nghĩ nên chấp nhận giao ba cháu cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng. Yêu cầu này không được anh C chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy anh C đang làm nghề biển, thu nhập tuy không ổn định nhưng về điều kiện kinh tế và làm ăn sinh sống thì anh C có nhiều khả năng, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị P buộc anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp.

[3] Về tài sản:

Tài sản mà chị P và anh C tranh chấp yêu cầu phân chia là thửa đất số 55, tờ bản đồ số 17, diện tích 79,4m² tọa lạc thôn A, xã H T, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN: CH 00892 UBND huyện Hoài Nhơn ký ngày 23 tháng 8 năm 2012. Tài sản trên thửa đất này là ngôi nhà N6. Chị P cho rằng thửa đất tuy anh C có trước khi chị và anh C kết hôn, nhưng sau khi kết hôn chị và anh C làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với số tiền nộp cho Nhà nước là 12.029.100 đồng và vợ chồng xây dựng lại nhà cửa sử dụng ở cho đến hôm nay. Chị P xác định đây là tài sản chung của vợ chồng, chị P yêu cầu chia hai. Ngược lại anh C cho rằng thửa đất này là tài sản riêng của anh có trước khi kết hôn, nên không đồng ý chia. Xét thấy anh C và chị P đăng ký kết hôn ngày 12/3/2003 tại UBND xã Hoài Thanh. Ngày 23/8/2012, UBND huyện Hoài Nhơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất cho anh C thửa đất số 55, tờ bản đồ số 17, diện tích 79,4m² tọa lạc thôn A 2, xã H T, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh C, thì vào năm 2002, anh C đã bị Chủ tịch UBND xã H T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng không đúng mục đích đất. Mặt khác, theo Tờ trình số 153/TTr-UBND ngày 25/11/2011 của UBND xã H T đề nghị UBND huyện Hoài Nhơn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 55, tờ bản đồ số 17, diện tích 79,4m² tọa lạc thôn A 2, xã H T, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định mang tên anh C và có thời gian sử dụng từ năm 2002 (trước hôn nhân). Bên cạnh đó theo lời khai nhân chứng, ông Phan Văn H là người sang nhượng thửa đất này vào năm 1999 cho mẹ anh C là bà Phan Thị X với số tiền 2.000.000 đồng. Từ những tài liệu chứng cứ như vậy, xét yêu cầu phân chia tài sản chung của chị P đối với thửa đất này là không có cơ sở để chấp nhận. mà thửa đất này là tài sản riêng của anh C.

Đối với ngôi nhà N6 trên đất, anh C và chị P thống nhất đây là tài sản chung của vợ chồng được xây dựng lại trong thời kỳ hôn nhân. Căn cứ theo Biên bản định giá ngày 29/8/2018, thì giá trị ngôi nhà và tài sản trên đất gồm có 15,4m² nhà xây dựng trên chỉ giới giao thông và không nằm trên diện tích thửa đất được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN: CH 00892 UBND huyện Hoài Nhơn ký ngày 23 tháng 8 năm 2012. Giá trị phần nhà này theo định giá là 27.785.900 đồng, khi địa phương xây dựng mở rộng đường giao thông thì tự tháo dỡ không được đền bù nên không được xem xét để phân chia. Ngoài ra còn phần nhà N8 và chuồng heo xây dựng trên phần đất của UBND xã H T quản lý và không còn giá trị để phân chia. Phần nhà còn lại có giá trị theo định giá 118.973.600 đồng, đây là giá trị tài sản chung của vợ chồng được xét phân chia theo quy định của pháp luật.

[4] Về các khoản nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, vợ chồng anh C chị P thống nhất nợ chung của vợ chồng phải trả cho ông X là 10.000.000 đồng- Ông X không yêu cầu trả lãi nên miễn xét, nợ Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện H N tiền vốn 27.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vay ngày 19/02/2016 đến nay chưa trả. Đây là khoản nợ chung vợ chồng phải có trách nhiệm trả nợ. Ngoài ra còn khoản nợ 10.000.000 đồng bà C yêu cầu vợ chồng chị P anh C phải trả nợ cho bà; yêu cầu này của bà C chị P thừa nhận còn anh C thì cho rằng đây là nợ riêng của chị P đối với bà C, anh C không đồng ý trả nợ cho bà C. Xét trong quá trình giải quyết vụ án ngoài bản tự khai bà C không có tài liệu chứng cứ gì cung cấp để chứng minh đây là nợ chung của vợ chồng chị P anh C phải cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà nên không có cơ sở để buộc anh C cùng chị P trả nợ mà buộc chị P phải có trách nhiệm trả nợ cho bà C 10.000.000 đồng, bà C không yêu cầu trả lãi nên không xem xét giải quyết.

Khoản nợ 150.000.000 đồng ông Nguyễn Đình T có đơn khởi kiện yêu cầu anh C, chị P phải trả cho ông, nhưng sau đó ông T có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ Điều 217 và Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án

định chỉ việc giải quyết yêu cầu của ông T và trả lại tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp

Từ những tài liệu chứng cứ nêu trên, tài sản chung và nợ chung của anh C chị P được xác định: giá trị nhà ở là tài sản chung có giá trị 118.973.600 đồng và nợ chung anh C chị P có trách nhiệm cùng trả là nợ ông X 10.000.000 đồng và nợ Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện H N tiền vốn gốc còn nợ là 27.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính phải trả tính từ ngày vay ngày 19/02/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 22/01/2019 là 1.090.000 đồng. Như vậy giá trị tài sản chung sau khi trừ các khoảng nợ phải trả của anh C chị P còn được phân chia mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ là 40.441.800 đồng.

Vì thửa đất số 55, tờ bản đồ số 17, diện tích 79,4m² tọa lạc thôn A 2, xã H T, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định là tài sản riêng của anh C, anh C trọn quyền sử dụng, Ngôi nhà trên thửa đất của anh C là tài sản chung của vợ chồng phải giao cho anh C trọn quyền sở hữu. Anh C có trách nhiệm thanh toán cho chị P 40.441.800 đồng. Khoảng tiền 12.029.100 đồng anh C và chị P đã nộp cho Nhà nước để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh C phải thanh toán lại cho chị P $\frac{1}{2}$ là 6.014.500 đồng. anh C có trách nhiệm trả nợ cho ông X 10.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện H N xác định thời hạn anh C chị P trả nợ chưa đến. Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện H N chưa yêu cầu giải quyết, nhưng đây là khoảng nợ chung của vợ chồng, nghĩ nên giao anh C có trách nhiệm trả nợ khi Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện H N có yêu cầu với số tiền vốn gốc còn nợ là 27.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính phải trả từ ngày vay ngày 19/02/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 22/01/2019 là 1.090.000 đồng là phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh C nại rằng chị P giữ của anh hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN: CH 00892 UBND huyện Hoài Nhơn ký ngày 23 tháng 8 năm 2012 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp là 02077QSDĐ/A 20 UBND huyện Hoài Nhơn ký ngày 22 tháng 10 năm 1996. Anh C yêu cầu chị P phải trả hai giấy này cho anh. Chị P thừa nhận đang cất giữ hai giấy chứng nhận này, nên buộc chị P phải trả lại cho anh C.

[5] Về án phí sơ thẩm dân sự anh C và chị P phải có nghĩa vụ nộp sung ngân sách Nhà nước cụ thể như sau:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: anh C chị P thỏa thuận anh Phạm C nộp 300.000 đồng
- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Công phải nộp 300.000 đồng
- Án phí chia tài sản chung: Anh Công và chị Phước mỗi người phải nộp 2.974.300 đồng
- Án phí dân sự sơ thẩm về trả nợ chung: Yêu cầu của ông X được chấp nhận và việc thỏa thuận trả nợ giữa các bên trước khi mở phiên tòa, nên anh C và chị P mỗi người phải nộp 125.000 đồng.
- Án phí dân sự sơ thẩm về trả nợ cho bà Nguyễn Thị C: Chị P phải nộp 500.000 đồng.

- Anh C phải thanh toán cho chị P 6.014.500 đồng nên tiền án phí anh C phải nộp là 300.700 đồng

[6] Về chi phí định giá: Anh C và chị P phải chịu 1.500.000 đồng. Chị P đã tạm ứng đủ nên buộc anh C phải trả lại cho chị P 750.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 217, Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự; các Điều 55, 81, 82, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016; Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm C và chị Nguyễn Thị P được ly hôn, do thuận tình.

2/ Về con chung: Giao ba con chung tên Phạm Thị Yến V – sinh ngày 29/8/2004, Phạm Thị Yến L – sinh ngày 14/11/2007 và Phạm Thị Yến P – sinh ngày 11/3/2013 cho chị P nuôi dưỡng.

Buộc anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, tính từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 22 tháng 01 năm 2019 đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3/ Về tài sản và các khoản nợ:

- Giao cho anh Phạm C trọn quyền sử dụng thửa đất số 55, tờ bản đồ số 17 tọa lạc thôn A2, xã H T, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN: CH 00892 UBND huyện Hoài Nhơn ký ngày 23 tháng 8 năm 2012 và trọn quyền sở hữu ngôi nhà N6 trên thửa đất này.

- Buộc anh C có trách nhiệm thanh toán cho chị P 46.456.300 đồng.

- Buộc anh C trả cho ông Nguyễn X 10.000.000 đồng.

- Buộc anh C trả cho Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện H N tiền vốn vay 27.000.000 đồng và tiền lãi phải trả tính từ ngày vay ngày 19/02/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 22/01/2019 là 1.090.000 đồng, khi có yêu cầu.

- Buộc chị P trả cho bà Nguyễn Thị C 10.000.000 đồng.

- Buộc chị P trả lại cho anh C Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN: CH 00892 UBND huyện Hoài Nhơn ký ngày 23 tháng 8 năm 2012 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp là 02077QSDĐ/A 20 UBND huyện Hoài Nhơn ký ngày 22 tháng 10 năm 1996.

- Đình chỉ việc giải quyết của ông Nguyễn Đình T yêu cầu anh C chị P trả cho ông 150.000.000 đồng

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

5/ Về án phí sơ thẩm dân sự anh C và chị P phải có nghĩa vụ nộp sung ngân sách Nhà nước cụ thể như sau:

- Án phí hôn nhân và gia đình: Chấp nhận thỏa thuận của anh Phạm C chị Nguyễn Thị P, anh C phải nộp 300.000 đồng .

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm C phải nộp 300.000 đồng

- Án phí chia tài sản chung: Anh C và chị P mỗi người phải nộp 2.974.300 đồng

- Án phí dân sự sơ thẩm về trả nợ chung: Yêu cầu của ông X được chấp nhận và việc thỏa thuận giữa các bên trước khi mở phiên tòa nên anh C và chị P mỗi người phải nộp 125.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm về trả nợ cho bà Nguyễn Thị C: Chị P phải nộp 500.000 đồng.

- Anh C phải thanh toán cho chị P 6.014.500 đồng nên tiền án phí anh C phải nộp là 300.700 đồng

Anh C đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003905 ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Nhơn nên được khấu trừ. Số tiền án phí còn lại buộc anh C phải nộp 3.700.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Chị P đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008060 ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Nhơn nên được khấu trừ. Số tiền án phí còn lại buộc chị P phải nộp 3.299.300 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Ông Nguyễn X không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho ông X 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003904 ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Nhơn.

Bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho bà C 300.000 đồng bà C đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003903 ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Nhơn.

Trả cho ông Nguyễn Đình T 3.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003902 ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Nhơn.

[6] Về chi phí định giá: Anh C và chị P phải chịu 1.500.000 đồng. Chị P đã tạm ứng đủ nên buộc anh C phải trả lại cho chị P 750.000 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2, Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30, Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự.*
- *TAND tỉnh Bình Định.*
- *VKSND huyện Hoài Nhơn.*
- *Chi cục THADS huyện Hoài Nhơn.*
- *Lưu hồ sơ, lưu văn phòng.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Hương